

Nguyễn Khuyến (1835-1909)



Chân dung Nguyễn Khuyến

Nguyễn Khuyến có tên là Nguyễn Văn Thắng, hiệu Quế Sơn, tự Miến Chi. Sinh ngày 15-2-1835 (tức 18 tháng Giêng năm Ất Mùi).

Ông xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo, hai bên nội ngoại đều có truyền thống khoa bảng. Bên nội quê gốc ở vùng Treo Vọt, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, di cư ra Yên Đổ, cho đến thời nhà thơ đã được năm trăm năm. Cụ bốn đời Nguyễn Khuyến là Nguyễn Tông Mại, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Hiến sát sứ Thanh Hóa. Ông thân sinh nhà thơ là Nguyễn Liễn, vẫn theo đòi nho học, đỗ 3 khoa Tú tài, chuyên nghề dạy học để kiếm sống ở xứ vườn Bù.

Mẹ Nguyễn Khuyến là Trần Thị Thoan, quê làng Văn Khê, tục gọi là làng Ngòi, nay thuộc xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Thừa nhỏ Nguyễn Khuyến học cha. Năm 1825, đi thi Hương lần thứ nhất cùng với cha, song không đỗ. Ngay năm sau, địa phương có dịch thương hàn, ông mắc bệnh suýt chết. Cha và em ruột, bố mẹ vợ chồng cùng nhiều họ hàng thân thuộc đều qua đời. Gia đình ông lâm vào cảnh “Tiêu điều, xơ xác, đời sống ngày càng đói rét”. Bà mẹ phải may thuê và đi làm mướn lần hồi, còn ông thường phải “sách đèn nhờ bạn, một ngày học mười ngày nghỉ”. Từ năm 1854, đi dạy học lấy lương ăn để tiếp tục học và đi thi. Song trong các khoa thi Hương tiếp theo 1855, 1858 đều bị trượt.

*Nghĩ tôi lại góm cái mình tôi,
Tuổi đã ba mươi kém một thôi...
Bốn khoá Hương thi không đậu cả,
Một mảnh vườn hoang bán sạch rồi.*

Có lúc, ông đã nản đường khoa cử, định chuyển nghề dạy học để kiếm sống và nuôi gia đình, thì được người bạn là Vũ Văn Báo nhận chu cấp lương ăn và khuyên đến cùng học với cha mình là Tiến sĩ Vũ Văn Lý ở xã Vĩnh Trụ, huyện Nam Xang (Lý Nhân ngày nay). Bà mẹ ông cũng ân cần, nghiêm khắc khuyên con chớ thoái chí. Do vậy, khoa thi 1864 ông mới đỗ Cử nhân đầu trường Hà Nội. Tiếp theo ông thi Hội các khoa 1865, 1868 đều bị trượt. Ông ở lại Huế, vào học Quốc Tử Giám, khoa năm 1869 lại trượt. Cho đến khoa năm 1871 mới liên tiếp đỗ đầu thi Hội, thi Đình, khi ông đã 37 tuổi.

Dưới triều Nguyễn, cho đến lúc đó mới chỉ có hai người đỗ Tam nguyên (đỗ đầu cả 3 kỳ thi), thì Nguyễn Khuyến là một. Nhưng khác với Trần Bích San (quê ở Vị Xuyên, Nam Định), ông phải lận đận gần 30 năm trời đèn sách, với 9 khóa lều chông, đó là một cố gắng phi thường.

Đầu tiên, ông được bổ làm Sứ quan trong triều; năm 1873, ra làm Đốc học Thanh Hóa, rồi thăng nhanh lên Án sát tỉnh. Năm 1874, ông phải mang quân chặn quân khởi nghĩa (mà sử cũ gọi là lệ phi) phạm vào tỉnh Thanh ở vùng Tĩnh Gia, Nông Cống. Đúng lúc ấy bà mẹ ông mất. Ông phải nghỉ ba năm về quê cư tang mẹ. Hết tang, ông vào triều giữ chức Biện lý bộ Hộ. Năm 1877 lại ra làm quan ngoài, giữ chức Bố chính Quảng Ngãi. Rồi làm Toàn tu ở Sứ quán, từ 1879 đến 1883, vẫn sống trong cảnh thanh bần, lại thêm đau yếu, ông đã có tâm trạng chán ngán cảnh quan trường.

Năm 1883, quân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai. Rồi Tự Đức chết (19-7-1883), triều Nguyễn phải ký hiệp ước

Harmand ngày 25 tháng 8 năm 1883. Nguyễn Khuyến đã được cử làm Phó sứ sang Mãn Thanh. Ông đã ra Bắc, nhưng chuyến đi sứ ấy bị bãi. Ông lấy cớ đau yếu, xin tạm về quê dưỡng bệnh, thì trung tuần tháng 12 năm 1883, triều Nguyễn cử ông làm tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, song ông không chịu đến nhận chức, mà chính thức cáo quan về nghỉ hưu khi mới 50 tuổi.

Một phần tư thế kỷ về ở Yên Đỗ này có ý nghĩa quyết định để nhà thơ trở thành bất tử, khi ông tiếp tục sáng tác nhiều và hay hơn nhiều so với thời gian trước đó.

Ông trút hơi thở cuối cùng vào ngày 5-2-1909 (tức 15 tháng Giêng năm Kỷ Dậu), thọ 75 tuổi. Tác phẩm để lại: *Quế Sơn thi tập*; *Yên Đỗ Tam nguyên quốc âm thi tập*.

© 2004 Bản quyền thuộc về UBND tỉnh Hà Nam
Giấy phép xuất bản số 313/GP-BC do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp ngày 09 tháng 7 năm 2004
Tổng biên tập: Trần Xuân Lộc